**Phụ lục**

**DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH, DỰ ÁN ƯU TIÊN**

*(Kèm theo Quyết định số 2255/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhiệm vụ/ Kế hoạch/ Dự án** | **Nội dung chính dự kiến** | **Khái toán vốn****(triệu đồng)** | **Nguồn vốn** | **Đơn vị chủ trì** | **Đơn vị phối hợp** | **Ghi chú** |
| **2023 - 2025** | **2026 - 2030** |
| 1 | Truyền thông, nâng cao nhận thức, tư duy về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất thủy sản | Biên soạn, in ấn tài liệu, sổ tay hướng dẫn, nội dung tập huấn, tuyên truyền (tờ rơi, áp phich, pano, cờ phướn,…) | 558 | 1.500 | Ngân sách nhà nước | SởNông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Thông tin và Truyền thông; UBND các huyện | Kế hoạch chuyên môn hàng năm |
| Truyền thông, tập huấn nâng cao nhận thức, tư duy về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất thủy sản | 348 | 950 |
| Xây dựng chuyên đề phóng sự, clip ngắn… về bảo vệ môi trường trong hoạt động thủy sản | 72 | 200 |
| Truyền thông, tổ chức thực hiện 01 ngày thu gom rác thải trên một số tuyến sông góp phần làm sạch môi trường thủy sản dự kiến mỗi năm | 126 | 500 |
| 2 | Đánh giá tổng thể nguồn thải từ hoạt động sản xuất thủy sản và đề xuất giải pháp quản lý | - Đánh giá các điều kiện liên quan đến phát triển nuôi thủy sản trong ao tại một số khu vực của tỉnh Đồng Nai.- Đánh giá tổng quan điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh liên quan đến phát triển nuôi thủy sản trong ao. Đánh giá tác động của các hoạt động kinh tế khác đến nuôi thủy sản trong ao.,…- Đề xuất giải pháp quản lý nuôi thủy sản trong ao. | 1.800 | 3.500 | Ngân sách nhà nước | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | UBND các huyện, TP, các sở, ngành liên quan | Quyết định số 911/QĐ-TTg |
| Nghiên cứu đánh giá các yếu tố tác động đến vùng nuôi thủy sản lồng bè nhằm phát triển nuôi thủy sản theo hướng bền vững, gắn với ứng dụng công nghệ; khai thác và sử dụng hiệu quả tiềm năng mặt nước sông hồ để gia tăng hiệu quả kinh tế các vùng nuôi thủy sản lồng bè trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030 | 2.670 | 3.000 | Ngân sách nhà nước | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, TP. liên quan | Quyết định số 911/QĐ-TTg |
| 3 | Quan trắc môi trường phục vụ quản lý ngành thủy sản | Quan trắc, cảnh báo môi trường phục vụ hoạt động nuôi trồng thủy sản | 1.087,2 | 3.300 | Ngân sách nhà nước | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | UBND các huyện, TP. | Giai đọan 2023 - 2025 thực hiện theo Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của UBND tỉnhGiai đoạn 2026 - 2030 trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định |
| Quan trắc giám sát một số dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản | 1.264 | 3.513 | Ngân sách nhà nước | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | UBND các huyện, TP. | Thực hiện theo Kế hoạch số 12614/KH-UBND ngày 14/10/2021 của UBND tỉnh |
| 4 | Kế hoạch hành động để bảo tồn, bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản tại các thủy vực tự nhiên. | Bảo tồn, bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản tại các thủy vực tự nhiên | 570 | 1.600 | Ngân sách nhà nước | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | UBND các huyện; Hiệp hội, tổ chức liên quan, doanh nghiệp | Thực hiện theo kế hoạch chuyên môn hàng năm |
| 1.800 | 5.000 | Nguồn khác |
| Lắp đặt camera giám sát | 120 | 250 | Ngân sách nhà nước | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | UBND TP. Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu, các sở, ngành liên quan |
| 5 | Quản lý môi trường, phát triển nuôi trồng thủy sản tại vùng tập trung | Phát triển nuôi trồng thủy sản các hồ chứa theo hướng bền vững và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai | 1.800 | 6.000 | Ngân sách nhà nước | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | UBND các huyện; tổ chức liên quan; doanh nghiệp | Quyết định số 985/QĐ-TTg |
| 7.200 | 24.000 | Nguồn khác |
| Thực hiện công tác quản lý nhà nước về kiểm soát ATTP tại các vùng nuôi trọng điểm và thực hiện kiểm tra giám sát | 2.016 | 6.720 | Ngân sách nhà nước | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | UBND các huyện; TP; cá nhân/tổ chức liên quan | Thực hiện lồng ghép theo kế hoạch chuyên môn hàng năm gắn với chức năng, nhiệm vụ được giao |
| 6 | Đánh giá nguồn vốn tự nhiên thủy sản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội | Điều tra, đánh giá tổng thể nguồn lợi, môi trường sống tự nhiên của các loài thủy sản trên địa bàn tỉnh | 2.400 | 5.000 | Ngân sách nhà nước | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | UBND các huyện TP. liên quan | Quyết định số 911/QĐ-TTg |
| 7 | Điều tra, đánh giá hiện trạng phân bố sinh vật thủy sản ngoại lai | - Điều tra, đánh giá hiện trạng sinh vật thủy sản ngoại lai- Xây dựng bản đồ hiện trạng, phân bố của sinh vật thủy sản ngoại lai- Đề xuất các giải pháp quản lý | 1.440 | 3.200 | Ngân sách nhà nước | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, TP; và các sở, ban, ngành liên quan | Quyết định số 911/QĐ-TTg |